CÔNG AN TỈNH BẮC NINH
VĂN PHÒNG CƠ QUAN CSĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1487/PC01

V/v sao gửi Quy chế phối hợp liên ngành tư pháp tỉnh

Bắc Ninh, ngày 02 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: - Đ/c Trưởng các Phòng PC02, PC03, PC04, PC07, PC08, PA01, PA02, PA03, PA04, PA05, PA08, PA09 Công an tỉnh;
- Đ/c Trưởng Công an xã, phường;
- Đ/c Trưởng Đồn Công an.

Thực hiện kết luận của Thường trực Tỉnh uỷ tại Hội nghị giao ban với các cơ quan khối Nội chính tỉnh Bắc Ninh quý III/2025 *(thông báo số 111-TB/TU ngày 25/9/2025);* ngày 01/12/2025, lãnh đạo Công an, Viện kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã ký Quy chế phối hợp liên ngành số 02/QCPH-CA-VKS-TA trong giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Công an tỉnh, Văn phòng Cơ quan CSĐT sao gửi *"Quy chế phối hợp số 02/QCPH-CA-VKS-TA ngày 01/12/2025 về việc phối hợp liên ngành trong giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự"*. Đề nghị các Đồng chí chỉ đạo, quán triệt toàn văn Quy chế đến toàn thể lãnh đạo, Đội nghiệp vụ, Tổ Cảnh sát phòng chống tội phạm, Điều tra viên, cán bộ điều tra để tổ chức thực hiện nghiêm, góp phần nâng cao hiệu quả công tác điều tra, xử lý tội phạm trong tình hình hiện nay.

Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc cần điều chỉnh, bổ sung, các Phòng nghiệp vụ Công an tỉnh, Công an xã, phường, Đồn Công an trao đổi với Phòng PC01 *(qua Đội kiểm tra hướng dẫn việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra)* để hướng dẫn, tham mưu lãnh đạo Công an, Viện KSND, TAND tỉnh Bắc Ninh bổ sung, điều chỉnh và thống nhất cho phù hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc CAT;
- Đ/c Thủ trưởng Cơ quan CSĐT CAT; (để b/cáo)
- Đ/c Thủ trưởng Cơ quan ANĐT CAT;
- Các đ/c Phó Chánh Văn phòng (để th/hiện);
- Các Đội nghiệp vụ - PC01 (để th/hiện);
- Phòng PV01 (để th/dõi);
- Lưu: VT, PC01 (Đ2).

CHÁNH VĂN PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Anh Sơn

CÔNG AN - VKSND - TAND TỈNH BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/QCPH-CA-VKS-TA	*Bắc Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2025*

QUY CHẾ
PHỐI HỢP LIÊN NGÀNH TRONG GIẢI QUYẾT NGUỒN TIN VỀ TỘI PHẠM VÀ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021, 2025);

Căn cứ Luật Tổ chức Cơ quan điều tra hình sự năm 2015;

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2025/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC ngày 27/6/2025 của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao quy định về phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động Tố tụng hình sự, quản lý thi hành tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 04/2025);

Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động Tố tụng hình sự, liên ngành Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thống nhất ban hành Quy chế phối hợp với các nội dung cụ thể như sau:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương pháp, nội dung, biện pháp phối hợp liên ngành giữa Công an cấp tỉnh; Công an cấp xã; Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và khu vực; các cơ quan có trách nhiệm khác (nếu có) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh trong giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc Cơ quan An ninh điều tra (ANĐT), Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an tỉnh Bắc Ninh; Điều tra viên, Cán bộ điều tra bố trí tại Công an cấp xã, Công an cấp xã, Đồn Công an trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh *(viết tắt là Cơ quan điều tra);*

2. Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Cán bộ điều tra của Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra thuộc Công an tỉnh Bắc Ninh *(viết tắt là Cơ quan có thẩm quyền điều tra);*

3. Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên thuộc Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh *(viết tắt là Viện kiểm sát);*

4. Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Thư ký, Thẩm tra viên thuộc Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh *(viết tắt là Tòa án).*

Điều 3. Mục đích, nguyên tắc phối hợp

1. Quan hệ phối hợp nhằm tạo điều kiện để công tác tiếp nhận, phân loại, giải quyết nguồn tin về tội phạm; công tác điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự được thuận lợi, nhanh chóng, kịp thời, đúng pháp luật, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người tố giác, bị hại và bị can, bị cáo theo quy định pháp luật nhằm đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các ngành liên quan nhằm chống oan sai, bỏ lọt tội phạm phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị tại địa phương và đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp trong tình hình mới.

2. Quan hệ phối hợp được xây dựng và thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng ngành theo quy định của pháp luật; tuân thủ quy định của pháp luật về tố tụng hình sự trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; tuân thủ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, của Cơ quan Công an, Viện kiểm sát, Tòa án cấp trên.

3. Công tác phối hợp phải đảm bảo chủ động, thường xuyên, chặt chẽ, kịp thời; thông tin, tài liệu, kết quả phối hợp phải rõ ràng, có trách nhiệm trên tinh thần chủ động, trách nhiệm, đúng quy định của pháp luật; phân định rõ vai trò, thẩm quyền của từng cơ quan, không làm ảnh hưởng tới chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của từng ngành.

4. Từng ngành và những người có trách nhiệm liên quan phải thực hiện nghiêm các nội dung tại Quy chế và bảo mật thông tin về công tác phối hợp theo quy định của pháp luật. Không đưa vào hồ sơ tố tụng các tài liệu liên quan đến việc trao đổi, phối hợp giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự; việc cung cấp thông tin về nội dung phối hợp phải được sự đồng ý của người có thẩm quyền. Các hành vi phát tán, sử dụng trái phép sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của từng ngành.

Điều 4. Nội dung và phương pháp phối hợp

1. Phối hợp trong công tác tổ chức, chỉ đạo của lãnh đạo liên ngành; trong thực hiện nhiệm vụ của Điều tra viên, Cán bộ điều tra *(bao gồm cả ở Công an cấp xã);* Kiểm sát viên, Kiểm tra viên; Thẩm phán, Thư ký, Thẩm tra viên trong giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự; kiểm tra, hướng dẫn, giải đáp pháp luật của liên ngành.

2. Việc phối hợp được thực hiện qua trao đổi trực tiếp hoặc bằng văn bản; thông qua hội nghị liên ngành; phân công cán bộ tham gia; đối chiếu số liệu định kỳ hoặc theo vụ án, vụ việc thụ lý, giải quyết.

CHƯƠNG II
PHỐI HỢP TRONG TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT NGUỒN TIN VỀ TỘI PHẠM

Điều 5. Phối hợp trong tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm

1. Cơ quan điều tra tổ chức trực ban hình sự, phân công Điều tra viên, Cán bộ điều tra thực hiện việc tiếp nhận, cập nhật đầy đủ các nguồn tin về tội phạm đã tiếp nhận vào hệ thống sổ sách và hệ thống phần mềm điều tra hình sự theo quy định. Sau khi tiếp nhận phải báo cáo ngay lãnh đạo, chỉ huy trực tiếp để báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* chỉ đạo.

2. Cơ quan có thẩm quyền điều tra *(các Phòng PA01, PA02, PA03, PA04, PA05, PA08, PC07, PC08)* có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại, giải quyết nguồn tin về tội phạm theo thẩm quyền.

3. Đồn Công an phải bố trí cán bộ trực ban để kịp thời tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)*, tiến hành các hoạt động kiểm tra, xác minh và chuyển đến Cơ quan điều tra giải quyết theo quy định.

4. Công an cấp xã tổ chức trực ban hình sự kết hợp với trực ban của đơn vị (cán bộ trực ban kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ trực ban hình sự) và thực hiện như sau:

a) Cán bộ tiếp nhận phải báo cáo ngay Trưởng Công an cấp xã (hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã phụ trách công tác phòng chống tội phạm) để xử lý theo quy định của pháp luật và thực hiện báo cáo như sau:

- Đối với các vụ việc thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh (bao gồm cả vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Điều tra viên là Trưởng/Phó trưởng Công an cấp xã) phải báo cáo Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh (hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền) để chỉ đạo.

- Đối với các vụ việc xác định ban đầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan ANĐT Công an cấp tỉnh (các tội phạm quy định tại Chương XIII, Chương XXVI và các Điều 207, 208, 282, 283, 284, 299, 300, 303, 304, 305, 309, 337, 338, 347, 348, 349, 350 Bộ luật Hình sự) phải báo cáo Thủ trưởng Cơ quan ANĐT Công an cấp tỉnh (qua Phòng PA09) để chỉ đạo việc tiếp nhận, phối hợp; đồng thời báo cáo Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh (hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền) để biết.

b) Đối với các tin báo về tội phạm đang diễn ra (hoặc vừa kết thúc) hoặc chưa đủ căn cứ để xác định loại tội phạm (ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất

nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng) nhưng xét thấy cần thiết phải áp dụng ngay các biện pháp cấp bách theo quy định để ngăn chặn hành vi phạm tội, truy bắt người vừa thực hiện hành vi phạm tội theo dấu vết nóng,... hoặc các hoạt động giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, khám xét khẩn cấp, tạm giữ người, khám nghiệm hiện trường đã được ủy quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 04/2025 thì Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã phải báo cáo ngay Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền theo hệ lực lượng)* để chỉ đạo. Đồng thời, thông báo ngay cho Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền bằng hình thức liên lạc nhanh nhất để phân công Kiểm sát viên kịp thời phối hợp khi cần thiết hoặc phối hợp đánh giá các căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phê chuẩn các lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra.

5. Viện kiểm sát, Tòa án sau khi tiếp nhận nguồn tin về tội phạm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và chuyển ngay toàn bộ các tài liệu có liên quan cho Cơ quan điều tra theo thẩm quyền giải quyết trong thời hạn không quá 24 giờ kể từ khi tiếp nhận. Nếu có căn cứ xác định nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã thì Viện kiểm sát chuyển trực tiếp đến Cơ quan điều tra (qua Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền), đồng thời thông báo bằng văn bản cho Cơ quan điều tra để theo dõi, chỉ đạo. Trong trường hợp không thể chuyển ngay thì phải thông báo bằng hình thức liên lạc nhanh nhất cho Cơ quan điều tra, cho Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền biết để kịp thời xử lý và thực hiện các biện pháp cấp bách theo quy định.

Trường hợp phát hiện Cơ quan điều tra có vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong hoạt động kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm hoặc có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm mà sau 15 ngày yêu cầu bằng văn bản Cơ quan điều tra không thực hiện thì Viện kiểm sát quyết định việc thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm theo quy định pháp luật.

6. Đối với các vụ việc tự phát hiện hoặc tiếp nhận (tai nạn giao thông, giết người, cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản, ...), phải phối hợp với Viện kiểm sát tiến hành ngay các hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi ... theo quy định. Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền sau khi nhận được thông báo của Lãnh đạo Cơ quan điều tra hoặc Điều tra viên là Trưởng/ Phó trưởng Công an cấp xã phải khẩn trương phân công Kiểm sát viên có mặt tại hiện trường (hoặc nơi tiến hành hoạt động kiểm tra, xác minh) trong thời gian sớm nhất để phối hợp tiến hành các hoạt động tố tụng nhằm thu thập tài liệu, chứng cứ, đảm bảo kịp thời, theo đúng quy định của pháp luật.

7. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết, Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ*

trưởng được ủy quyền) trực tiếp tổ chức, chỉ đạo, phân công Điều tra viên, Cán bộ điều tra thuộc quyền thụ lý, giải quyết hoặc ra Quyết định phân công Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã tổ chức, chỉ đạo thụ lý, giải quyết và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát có thẩm quyền.

Đối với nguồn tin về tội phạm sau khi tiếp nhận đã rõ về dấu hiệu của tội phạm, đủ căn cứ để khởi tố vụ án hình sự thì Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự và thực hiện trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không phải ra Quyết định phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Trường hợp nguồn tin do Viện kiểm sát trực tiếp chuyển đến Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã thì Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã tiếp nhận, tiến hành các hoạt động trong phạm vi thẩm quyền và báo cáo ngay Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* để chỉ đạo hoặc phân công giải quyết.

8. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra:

a) Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền trực tiếp tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên hoặc ra Quyết định phân công Phó Viện trưởng tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và gửi ngay một bản cho Cơ quan điều tra đã ra Quyết định phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm.

b) Trường hợp không thống nhất với việc phân công giải quyết nguồn tin của Cơ quan điều tra thì Kiểm sát viên trực tiếp trao đổi với Điều tra viên trước khi báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát có văn bản trả lời Cơ quan điều tra *(văn bản trả lời phải thể hiện rõ quan điểm và căn cứ của Viện kiểm sát)*.

c) Đối với nguồn tin về tội phạm đã rõ về dấu hiệu của tội phạm mà Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự thì Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền trực tiếp tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên hoặc ra Quyết định phân công Phó Viện trưởng tổ chức, chỉ đạo hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát việc khởi tố, điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

9. Đối với nguồn tin về tội phạm có nội dung, tình tiết phức tạp, khó khăn trong xác định tính chất hình sự hay tranh chấp dân sự, hành chính, kinh tế, Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã phải trao đổi, thống nhất trước với Viện kiểm sát có thẩm quyền bằng văn bản nhằm bảo đảm việc thụ lý hoặc không thụ lý đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp nguồn tin về tội phạm đã được tiếp nhận, thụ lý giải quyết nhưng quá trình xác minh có căn cứ xác định không thuộc thẩm quyền giải quyết thì Cơ quan điều tra, Điều tra viên là Trưởng/ Phó Trưởng Công an cấp xã đã tiếp nhận, thụ lý trao đổi, thống nhất với Viện kiểm sát đang kiểm sát và Cơ quan điều tra có thẩm quyền; sau đó xây dựng báo cáo sơ kết nguồn tin *(nêu rõ căn cứ)*, kèm theo hồ sơ chuyển đến Cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định.

10. Đối với nguồn tin về tội phạm liên quan đến nhiều đơn vị có thẩm quyền giải quyết thì việc xác định thẩm quyền giải quyết thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT. Trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền giải quyết nguồn tin về tội phạm thực hiện theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Tố tụng hình sự.

11. Đối với nguồn tin về tội phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã nhưng xét thấy cần thiết, lãnh đạo Cơ quan điều tra trao đổi, thống nhất với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để thụ lý, giải quyết hoặc yêu cầu của Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã chuyển nguồn tin đó đến các Phòng điều tra (theo hệ lực lượng) để thụ lý, giải quyết.

Điều 6. Phối hợp trong việc đề ra yêu cầu xác minh; áp dụng các biện pháp kiểm tra, xác minh, thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ

1. Ngay sau khi được phân công, Kiểm sát viên phải phối hợp với Điều tra viên nghiên cứu tài liệu đã thu thập được để kịp thời đề ra yêu cầu xác minh giải quyết nguồn tin về tội phạm, các hoạt động, biện pháp kiểm tra, xác minh cần tiến hành, các vấn đề cần làm rõ,... bảo đảm cụ thể, rõ ràng, sát với thực tế và thời hạn điều tra, xác minh để định hướng cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm được toàn diện, triệt để, đúng quy định pháp luật.

Điều tra viên, Cán bộ điều tra được phân công giải quyết nguồn tin về tội phạm phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu xác minh của Kiểm sát viên. Trường hợp có nội dung yêu cầu xác minh mà Điều tra viên, Cán bộ điều tra không nhất trí hoặc vì lý do khách quan không thực hiện được thì báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công để trao đổi, thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền. Trường hợp không thống nhất được thì Điều tra viên, Cán bộ điều tra vẫn phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu xác minh của Kiểm sát viên nhưng sau đó Cơ quan điều tra có quyền kiến nghị với Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp.

2. Quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên để tham gia các hoạt động tố tụng và chuyển tài liệu, biên bản hoạt động tố tụng cho Kiểm sát viên theo quy định. Kiểm sát viên có trách nhiệm tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định; nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ thu thập được, thường xuyên trao đổi với Điều tra viên để đôn đốc, bảo đảm các hoạt động điều tra, xác minh được tiến hành đầy đủ, kịp thời.

Trường hợp vì lý do khách quan, không thể tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định, Kiểm sát viên phải báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền *(hoặc Phó Viện trưởng được phân công)* trao đổi với Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã để thống nhất.

Định kỳ 15 ngày, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải trao đổi, cập nhật về tiến độ giải quyết và thống nhất kế hoạch, định hướng tiến hành các hoạt động điều tra, xác minh tiếp theo. Kết quả trao đổi, Điều tra viên, Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo đơn vị có thẩm quyền bằng văn bản để biết, chỉ đạo và lưu hồ sơ nghiệp vụ của từng ngành để theo dõi. Khi có quan điểm khác nhau trong đường lối giải quyết; đánh giá chứng cứ, tài liệu,... Điều tra viên và Kiểm sát viên phải báo cáo ngay lãnh đạo Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát có thẩm quyền để kịp thời phối hợp trao đổi, thống nhất quyết định.

3. Đối với những vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, kinh tế làm thất thoát, chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, tổ chức, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải chủ động phối hợp, kịp thời báo cáo, đề xuất lãnh đạo Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát áp dụng các biện pháp xác minh nguồn gốc tài sản, kê biên tài sản, phong toả tài khoản (khi có căn cứ) nhằm hạn chế việc các đối tượng có liên quan tẩu tán, che giấu, hợp pháp hoá tài sản tham nhũng, chức vụ hoặc kinh tế có liên quan đến chức vụ.

Điều 7. Phối hợp khi hết thời hạn giải quyết hoặc khi ra các quyết định giải quyết nguồn tin về tội phạm

1. Chậm nhất 10 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết hoặc khi kết thúc việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải lập biên bản phối hợp đánh giá toàn bộ tài liệu, chứng cứ, các thủ tục tố tụng trong hồ sơ, quan điểm của Điều tra viên, Kiểm sát viên đối với việc giải quyết, các hoạt động kiểm tra, xác minh cần thực hiện bổ sung để bảo đảm căn cứ giải quyết,... và báo cáo lãnh đạo đơn vị có thẩm quyền để chỉ đạo, quyết định.

2. Trường hợp chưa thể kết thúc việc kiểm tra, xác minh, chậm nhất 05 ngày trước khi hết thời hạn giải quyết, Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền, phân công)*, Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công phải có văn bản đề nghị Viện kiểm sát có thẩm quyền gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Viện kiểm sát có thẩm quyền phải xem xét, quyết định. Trường hợp đề nghị của Cơ quan điều tra là có căn cứ thì Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền ra Quyết định gia hạn thời hạn kiểm tra, xác minh.

Trường hợp xét thấy đề nghị của Cơ quan điều tra là không có căn cứ thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền *(hoặc Phó Viện trưởng được ủy quyền, phân công)* ra văn bản thông báo nêu rõ lý do; Cơ quan điều tra phải dừng việc kiểm tra, xác minh và ra một trong các quyết định giải quyết theo quy định.

3. Đối với nguồn tin về tội phạm có tính chất phức tạp, trước khi kết thúc

giải quyết 15 ngày, Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi quan điểm với Viện kiểm sát có thẩm quyền. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi và hồ sơ *(03 ngày, với các trường hợp cấp bách hoặc liên quan đến việc áp dụng biện pháp ngăn chặn),* Viện kiểm sát có thẩm quyền có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, nêu rõ quan điểm và hướng giải quyết. Trường hợp quan điểm 2 ngành không thống nhất, Cơ quan điều tra chủ trì mời họp liên ngành. Trường hợp mời Tòa án tham dự phải gửi trước văn bản, kèm hồ sơ, tài liệu để nghiên cứu ít nhất 02 ngày trước khi họp. Nếu sau khi họp quan điểm các ngành vẫn không thống nhất thì Cơ quan điều tra đại diện liên ngành xây dựng văn bản báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của liên ngành cấp trên. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của liên ngành cấp trên, liên ngành cấp dưới phải tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Cơ quan điều tra ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin về tội phạm thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành các Quyết định giải quyết, Điều tra viên phải gửi quyết định cùng hồ sơ giải quyết nguồn tin về tội phạm cho Kiểm sát viên được phân công để thực hiện việc kiểm sát theo quy định. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định khởi tố vụ án, quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm; 02 ngày kể từ ngày nhận được quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Viện kiểm sát có thẩm quyền phải có ý kiến bằng văn bản về việc đồng ý hay không đồng ý với kết quả giải quyết của Cơ quan điều tra theo quy định.

CHƯƠNG III
PHỐI HỢP TRONG ĐIỀU TRA, TRUY TỐ, XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

Điều 8. Phối hợp trong việc phê chuẩn các lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra

1. Khi nhận được văn bản đề nghị phê chuẩn các lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát có thẩm quyền phải khẩn trương nghiên cứu hồ sơ, tài liệu kèm theo để xem xét, phê chuẩn trong thời hạn theo luật định.

2. Đối với trường hợp chưa đủ căn cứ để phê chuẩn thì Viện kiểm sát có thẩm quyền đưa ra yêu cầu trực tiếp hoặc có văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ phục vụ việc xem xét căn cứ phê chuẩn. Trong thời hạn 10 ngày *(20 ngày đối với trường hợp có tính chất phức tạp)* kể từ ngày nhận được văn bản, Cơ quan điều tra có trách nhiệm bổ sung chứng cứ, tài liệu và có văn bản tiếp tục đề nghị Viện kiểm sát phê chuẩn hoặc thay đổi, bổ sung, rút quyết định khởi tố. Khi cần trực tiếp lấy lời khai, hỏi cung hoặc tiến hành một số hoạt động điều tra khác theo quy định để có căn cứ đề xuất phê chuẩn thì Kiểm sát viên chủ động trao đổi, phối hợp với Điều tra viên để thực hiện. Trường hợp Viện kiểm sát yêu cầu bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ xét phê chuẩn vụ án có người đang bị tạm giữ thì thời gian bổ sung chứng cứ, tài liệu không quá thời hạn

gia hạn tạm giữ; trường hợp không bổ sung được chứng cứ, tài liệu trong thời hạn gia hạn tạm giữ thì Cơ quan điều tra có văn bản (nêu rõ lý do) gửi Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền đề nghị xem xét, quyết định.

Đối với vụ việc, vụ án có tính chất phức tạp, có khó khăn, vướng mắc trong đánh giá chứng cứ, xác định tội danh, Cơ quan điều tra chủ trì, tổ chức họp liên ngành để thống nhất quan điểm; trường hợp mời Tòa án tham dự phải gửi văn bản kèm hồ sơ, tài liệu liên quan để Tòa án nghiên cứu ít nhất 03 ngày trước khi họp. Sau khi họp mà quan điểm các ngành vẫn khác nhau thì Cơ quan điều tra thay mặt liên ngành xây dựng văn bản báo cáo, xin ý kiến của liên ngành cấp trên. Sau khi có ý kiến của liên ngành cấp trên, liên ngành cấp dưới phải tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 9. Phối hợp trong đề ra các yêu cầu điều tra; áp dụng các biện pháp điều tra, thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ

1. Ngay sau khi được phân công, Kiểm sát viên phải phối hợp với Điều tra viên nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để đề ra yêu cầu điều tra, các vấn đề cần chứng minh, làm rõ; các biện pháp khám xét, ngăn chặn, cưỡng chế, biện pháp tố tụng đặc biệt, các biện pháp, hoạt động điều tra, xác minh khác cần tiến hành, việc áp dụng thủ tục rút gọn đối với vụ án, biện pháp xử lý chuyển hướng đối với người chưa thành niên phạm tội,... bảo đảm cụ thể, rõ ràng, sát với thực tế để định hướng cho việc điều tra vụ án được toàn diện, triệt để, nhanh chóng, đúng quy định pháp luật.

Điều tra viên, Cán bộ điều tra được phân công điều tra vụ án phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu điều tra của Kiểm sát viên. Trường hợp có nội dung yêu cầu điều tra mà Điều tra viên, Cán bộ điều tra không nhất trí hoặc vì lý do khách quan không thực hiện được thì báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công để trao đổi, thống nhất và thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình điều tra vụ án, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên để tham gia các hoạt động tố tụng và chuyển tài liệu, biên bản hoạt động tố tụng cho Kiểm sát viên theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Kiểm sát viên có trách nhiệm tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định; nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ thu thập được, thường xuyên trao đổi với Điều tra viên để đôn đốc, bảo đảm các hoạt động điều tra, xác minh được tiến hành đầy đủ, kịp thời. Trường hợp vì lý do khách quan, không thể tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định, Kiểm sát viên phải báo cáo Viện trưởng *(hoặc Phó Viện trưởng được phân công)* trao đổi với Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/ Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công để thống nhất.

Định kỳ 15 ngày, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải trao đổi, cập nhật về tiến độ giải quyết và thống nhất về kế hoạch, định hướng tiến hành các hoạt động

điều tra tiếp theo. Kết quả trao đổi, ý kiến của Điều tra viên, Kiểm sát viên phải báo cáo lãnh đạo đơn vị có thẩm quyền bằng văn bản để biết, chỉ đạo và lưu hồ sơ nghiệp vụ của từng ngành. Khi có quan điểm khác nhau trong đường lối giải quyết; đánh giá chứng cứ, tài liệu,... Điều tra viên và Kiểm sát viên phải báo cáo ngay Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/ Phó trưởng Công an cấp xã được phân công và Viện trưởng *(hoặc Phó Viện trưởng được phân công)* để kịp thời phối hợp trao đổi, thống nhất quan điểm giải quyết.

Điều 10. Phối hợp trong việc áp dụng, thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

1. Khi Cơ quan điều tra áp dụng, thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn phải gửi lệnh, quyết định kèm hồ sơ, tài liệu cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trong thời hạn quy định. Viện kiểm sát có trách nhiệm phân công Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và phối hợp với Điều tra viên kiểm tra, đánh giá căn cứ, điều kiện, trình tự, thủ tục áp dụng, thay thế, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Trường hợp quan điểm của Điều tra viên và Kiểm sát viên khác nhau thì báo cáo lãnh đạo hai ngành xem xét, quyết định. Nếu thấy cần thiết, Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung tài liệu. Nếu cần trực tiếp lấy lời khai người bị tạm giữ, Kiểm sát viên trao đổi với Điều tra viên để phối hợp trích xuất.

Trước khi thay thế, huỷ bỏ các biện pháp ngăn chặn do Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn, Cơ quan điều tra trao đổi, thống nhất với Viện kiểm sát trước khi có văn bản đề nghị. Với vụ án có bị can đang tạm giam, xét thấy việc hủy bỏ, thay thế biện pháp ngăn chặn ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án thì khi kết thúc điều tra chuyển hồ sơ đến Viện kiểm sát đề nghị truy tố, Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi *(nêu rõ lý do)* với Viện kiểm sát biết để phối hợp. Trường hợp biện pháp ngăn chặn đang áp dụng hết thời hạn vào ngày kết thúc điều tra thì Cơ quan điều tra có trách nhiệm thông báo *(trực tiếp hoặc bằng văn bản)* để Viện kiểm sát tiến hành áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can ngay trong ngày.

Giai đoạn truy tố, xét xử, Viện kiểm sát, Tòa án thay đổi, huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn phải đồng thời thông báo bằng văn bản cho Cơ quan điều tra biết để phối hợp quản lý đối tượng. Trường hợp Viện kiểm sát, Tòa án ra Lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam thì sau khi thi hành lệnh bắt, Cơ quan điều tra phải chuyển ngay Biên bản bắt cho cơ quan đã ra lệnh.

2. Trong phạm vi thẩm quyền của mình, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế (áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản) khi thấy cần thiết và thực hiện thay thế, hủy bỏ các biện pháp cưỡng chế này khi thấy không còn cần thiết. Việc thay thế, hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của Cơ quan điều tra và Tòa án phải thông báo cho Viện kiểm sát có thẩm quyền trước khi thi hành.

Điều 11. Phối hợp trong công tác khám nghiệm hiện trường, khám

nghiệm tử thi

1. Cơ quan điều tra, Cơ quan có thẩm quyền điều tra phải thông báo *(trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng văn bản)* cho Viện kiểm sát có thẩm quyền về thời gian, địa điểm, nội dung vụ việc, vụ án để phân công Kiểm sát viên tiến hành kiểm sát việc khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi. Kiểm sát viên được phân công phải có mặt đúng thời gian, địa điểm theo thông báo.

2. Trước khi khám nghiệm, Điều tra viên hoặc cán bộ được phân công thuộc Cơ quan có thẩm quyền điều tra và Kiểm sát viên phải phối hợp, trao đổi thống nhất phương pháp, cách thức thực hiện. Quá trình khám nghiệm, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải xem xét tỉ mỉ các dấu vết, vật chứng để lại tại hiện trường, trên tử thi và thu thập đầy đủ các mẫu vật liên quan; chịu trách nhiệm về chất lượng công tác khám nghiệm. Các yêu cầu của Kiểm sát viên phải được Điều tra viên chủ trì khám nghiệm thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Kết thúc việc khám nghiệm, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải phối hợp kiểm tra, đánh giá, thống nhất kết quả khám nghiệm.

3. Trường hợp khi thực hiện việc khám nghiệm gặp sự cản trở từ phía gia đình nạn nhân (từ chối, kiên quyết không cho khám nghiệm...), Điều tra viên phải phối hợp Kiểm sát viên tìm hiểu rõ nguyên nhân, giải thích, vận động, thuyết phục gia đình nạn nhân, nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ việc, vụ án đúng quy định, không bỏ lọt tội phạm. Trường hợp không vận động được, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải chủ động báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã và lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để xin ý kiến chỉ đạo.

4. Đối với các vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp (giết người chưa xác định được đối tượng; giết nhiều người; sử dụng vũ khí, vật liệu nổ...); vụ việc, vụ án do băng, nhóm tội phạm nguy hiểm gây ra hoặc có tính chất phức tạp khác được dư luận xã hội quan tâm thì lãnh đạo Cơ quan điều tra và lãnh đạo Viện kiểm sát phải trực tiếp tham gia chỉ đạo việc khám nghiệm và kiểm sát việc khám nghiệm.

Điều 12. Phối hợp trong công tác khám xét khẩn cấp, khám xét, thu giữ vật chứng, tài sản

1. Khi xét thấy cần thiết, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền trao đổi, thống nhất với Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/ Phó Trưởng Công an cấp xã về việc cử Kiểm sát viên tham gia, phối hợp khám xét khẩn cấp.

2. Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công phải trao đổi, thống nhất việc khám xét, thu giữ vật chứng, tài sản trước khi đề xuất lãnh đạo hai ngành. Trong thời hạn 12 giờ trước khi thực hiện việc khám xét, Điều tra viên phải thông báo cho Kiểm sát viên biết về thời gian, địa điểm tiến hành khám xét. Kiểm sát viên phải có mặt để kiểm sát việc khám xét, nếu vắng mặt phải thông báo cho Điều tra viên để ghi vào biên bản khám xét.

3. Đối với những vụ việc, vụ án có tính chất phức tạp, lãnh đạo hai ngành phải trao đổi, thống nhất trước khi quyết định việc khám xét; trường hợp cần thiết, lãnh đạo hai ngành phải trực tiếp tham gia, chỉ đạo việc khám xét.

Điều 13. Phối hợp trong công tác thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói

Chậm nhất 24 giờ trước khi tiến hành các hoạt động thực nghiệm điều tra, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, Điều tra viên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Kiểm sát viên biết về thời gian, địa điểm tiến hành. Trường hợp Kiểm sát viên không thể tham gia do nguyên nhân khách quan phải thông báo ngay cho Điều tra viên để ghi lý do vắng mặt vào biên bản.

Điều 14. Phối hợp trong hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai những người tham gia tố tụng

1. Kiểm sát viên có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Điều tra viên trong hoạt động hỏi cung bị can, lấy lời khai những người tham gia tố tụng. Chậm nhất 24 giờ trước khi tiến hành hỏi cung bị can, Điều tra viên thông báo cho Kiểm sát viên bằng văn bản (trường hợp cần thiết có thể thông báo trực tiếp hoặc qua điện thoại nhưng sau đó vẫn phải ban hành văn bản lưu hồ sơ khởi tố) về thời gian, địa điểm tiến hành. Trường hợp vì lý do khách quan không tham gia hỏi cung bị can, Kiểm sát viên thông báo cho Điều tra viên biết để ghi rõ lý do vắng mặt vào biên bản.

2. Kiểm sát viên trực tiếp hỏi cung bị can, lấy lời khai những người tham gia tố tụng khác trong các trường hợp: Bị can kêu oan; bị can khiếu nại hoạt động điều tra; có căn cứ xác định việc điều tra vi phạm pháp luật; tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn hoặc chưa chặt chẽ; có căn cứ để nghi ngờ về tính xác thực trong lời khai của người tham gia tố tụng; khi cần kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc phê chuẩn, truy tố; khi có đề nghị của Cơ quan điều tra hoặc trường hợp khác khi xét thấy cần thiết.

Điều tra viên có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện để Kiểm sát viên tiến hành hỏi cung bị can, lấy lời khai những người tham gia tố tụng khác. Trước khi kết thúc điều tra, Điều tra viên phối hợp với Kiểm sát viên hỏi cung bị can về toàn bộ hành vi phạm tội, nội dung, diễn biến vụ án, tập trung củng cố, làm rõ những nội dung còn mâu thuẫn trong lời khai.

Điều 15. Phối hợp trong công tác giám định, định giá tài sản

Trước khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, Cơ quan điều tra trao đổi, thống nhất với Viện kiểm sát về nội dung trưng cầu giám định, yêu cầu định giá. Quá trình tiến hành giám định, định giá tài sản gặp khó khăn, vướng mắc, phát sinh các tình tiết liên quan hoặc có yêu cầu, đề nghị từ Cơ quan giám định, định giá tài sản, Cơ quan điều tra có trách nhiệm trao đổi *(trực tiếp hoặc bằng văn bản)* với Viện kiểm sát để thống nhất, nhằm đảm bảo kết luận giám định, định giá tài sản có ý nghĩa trong giải quyết vụ việc, vụ án.

Điều 16. Phối hợp trong quản lý, nhập, xuất, xử lý tài sản, vật chứng

1. Khi nhập tài sản, vật chứng, Điều tra viên có trách nhiệm cung cấp bản sao biên bản thu giữ tài sản, vật chứng cho cơ quan được giao quản lý để đối chiếu, phục vụ cho các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Điều tra viên và Kiểm sát viên có trách nhiệm phối hợp, trao đổi, đánh giá các tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc xử lý tài sản, vật chứng. Trước khi ra quyết định xử lý đồ vật, tài sản, vật chứng, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát phải trao đổi, thống nhất nhằm đảm bảo việc xử lý có căn cứ, đúng pháp luật và đảm bảo công tác thi hành án.

Điều 17. Phối hợp trong việc xác định án điểm, án rút gọn

1. Viện kiểm sát có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Cơ quan điều tra và Tòa án họp liên ngành để xác định án điểm; việc lựa chọn xác định án điểm phải căn cứ vào tình hình, yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Định kỳ hàng tháng, Viện kiểm sát nhân dân khu vực đại diện liên ngành Cơ quan điều tra đang thụ lý vụ án, Viện kiểm sát nhân dân và Toà án nhân dân khu vực báo cáo tiến độ và kết quả giải quyết án điểm lên liên ngành cấp trên (qua Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh). Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân cấp tỉnh thường xuyên theo dõi, chỉ đạo việc giải quyết án điểm của cấp dưới; nếu thấy cần thiết thì phân công Lãnh đạo, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán các phòng nghiệp vụ cấp tỉnh hướng dẫn giải quyết các vụ án điểm của cấp dưới nhằm đảm bảo đúng quy định pháp luật.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có trách nhiệm áp dụng thủ tục rút gọn khi có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 456 Bộ luật Tố tụng hình sự và thực hiện theo đúng quy định tại Điều 28 Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 14/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự

Điều 18. Phối hợp trong việc chuyển, nhập, tách vụ án hình sự

1. Trước khi chuyển vụ án, Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát đã kiểm sát vụ án. Trường hợp Viện kiểm sát thống nhất việc chuyển vụ án thì Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi với Cơ quan điều tra có thẩm quyền và thực hiện việc chuyển vụ án theo quy định. Trường hợp Viện kiểm sát không thống nhất thì Cơ quan điều tra chủ trì báo cáo xin ý kiến của liên ngành cấp trên. Trường hợp Viện kiểm sát chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền thì Cơ quan điều tra đã kết thúc điều tra vụ án có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc chuyển vụ án và vật chứng kèm theo đến Viện kiểm sát có thẩm quyền truy tố.

2. Trước khi nhập, tách vụ án, Cơ quan điều tra phải có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát đang kiểm sát vụ án; trong thời hạn 3 ngày làm việc, Viện kiểm sát có trách nhiệm trả lời bằng văn bản, nếu không thống nhất thì phải nêu rõ lý do.

Điều 19. Phối hợp trong việc đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can

1. Quá trình điều tra, nếu thấy có căn cứ để ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can, Điều tra viên phải phối hợp với Kiểm sát viên rà soát, đánh giá căn cứ, tài liệu, chứng cứ để báo cáo lãnh đạo từng ngành thống nhất, chỉ đạo. Trước khi ra quyết định đình chỉ, Cơ quan điều tra phải có văn bản trao đổi nội dung, căn cứ, lý do đình chỉ với Viện kiểm sát.

2. Khi ban hành quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can, Cơ quan điều tra phải hủy bỏ mọi biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đang áp dụng; trả lại tài liệu, đồ vật đã tạm giữ; xử lý vật chứng và giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Đối với biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế do Viện kiểm sát phê chuẩn, chậm nhất trước 05 ngày, Cơ quan điều tra phải có văn bản gửi Viện kiểm sát để quyết định việc hủy bỏ trước khi quyết định đình chỉ điều tra.

3. Khi quyết định đình chỉ xét xử vụ án, đình chỉ xét xử bị cáo, Tòa án phải gửi quyết định đình chỉ và các tài liệu liên quan cho Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát.

Điều 20. Phối hợp khi hết thời hạn điều tra hoặc kết thúc điều tra vụ án

1. Chậm nhất 10 ngày đối với vụ án ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng, 15 ngày đối với vụ án rất nghiêm trọng, 20 ngày đối với vụ án đặc biệt nghiêm trọng, trước khi hết thời hạn điều tra hoặc kết thúc điều tra vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải trao đổi, phối hợp lập Biên bản về việc thực hiện Yêu cầu điều tra và Biên bản rà soát, đánh giá toàn bộ các thủ tục tố tụng trong hồ sơ; nội dung, tính chất vụ án; các chứng cứ buộc tội, gỡ tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị can trong vụ án; xác định điểm, khoản, tội danh của từng bị can đề nghị truy tố, diễn biến hành vi phạm tội; việc xử lý đối với các đồ vật, tài liệu, vật chứng đã thu giữ; các vấn đề liên quan dự kiến sẽ được kết luận điều tra; các nội dung trong vụ án cần tiếp tục củng cố, điều tra, xác minh làm rõ; đối tượng, hành vi phạm tội chưa rõ cần phải tách ra để tiếp tục điều tra; quan điểm của Điều tra viên, Kiểm sát viên đối với việc giải quyết vụ án,... và báo cáo lãnh đạo đơn vị có thẩm quyền để chỉ đạo, quyết định. Các Biên bản này không đưa vào hồ sơ vụ án, được lưu trong hồ sơ nghiệp vụ của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát. Đối với những vụ án có tính chất phức tạp, nhiều bị can, nhiều hành vi phạm tội, Điều tra viên và Kiểm sát viên phải phối hợp rà soát, tổng hợp lời khai từng bị can nhằm làm rõ tính chất, mức độ, hành vi và vai trò của từng bị can trong vụ án.

2. Trường hợp phát hiện vụ án còn thiếu chứng cứ hoặc có vi phạm, thiếu sót về trình tự, thủ tục tố tụng, Cơ quan điều tra có trách nhiệm bổ sung, khắc phục ngay trong giai đoạn điều tra. Trường hợp thấy chưa thể kết thúc điều tra, cần gia hạn thời hạn điều tra, thời hạn tạm giam hoặc có khó khăn, vướng mắc về quan điểm, đường lối xử lý vụ án thì Điều tra viên báo cáo Thủ trưởng Cơ

quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công để có văn bản đề nghị Viện kiểm sát gia hạn thời hạn điều tra, gia hạn thời hạn tạm giam bị can.

3. Khi có đủ căn cứ thì Cơ quan điều tra phải tiến hành kết luận điều tra đề nghị truy tố hoặc đình chỉ điều tra ngay, không để hết thời hạn điều tra mới kết thúc. Trường hợp tài liệu điều tra thể hiện có dấu hiệu của tội phạm khác hoặc người phạm tội khác, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thu thập hết nguồn chứng cứ nhưng không có căn cứ để ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự thì thống nhất quan điểm không có căn cứ để tiếp tục điều tra, xác minh và nêu rõ trong Kết luận điều tra vụ án, cáo trạng. Khi tách đối tượng, hành vi phạm tội trong vụ án để tiếp tục điều tra thì Điều tra viên và Kiểm sát viên phải xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện.

Trong thời hạn 02 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra ra Bản kết luận điều tra, Điều tra viên phải chuyển Bản kết luận điều tra kèm theo hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát có thẩm quyền. Trường hợp khi nghiên cứu hồ sơ vụ án phát hiện còn thiếu tài liệu, chứng cứ *(không thuộc trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 245 Bộ luật Tố tụng hình sự)* thì Kiểm sát viên tự mình hoặc phối hợp Điều tra viên khắc phục và bổ sung ngay.

Điều 21. Phối hợp trong quản lý, giải quyết các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền phải phân công Điều tra viên, Cán bộ điều tra và Kiểm sát viên chịu trách nhiệm phối hợp quản lý, theo dõi các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ và đôn đốc việc thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định của pháp luật để khắc phục lý do tạm đình chỉ. Định kỳ *(hàng tháng, 6 tháng, 01 năm)*, Điều tra viên và Kiểm sát viên được phân công thụ lý, quản lý, theo dõi phải phối hợp rà soát, đối chiếu, phân loại vụ án, vụ việc theo quy định *(việc rà soát, phân loại phải được lập thành Biên bản, có ký xác nhận 2 bên)*.

2. Chậm nhất không quá 03 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận, thu thập đồ vật, tài liệu liên quan đến vụ án, vụ việc tạm đình chỉ, Điều tra viên phải trao đổi với Kiểm sát viên để theo dõi, phối hợp nghiên cứu, đánh giá căn cứ phục hồi điều tra, giải quyết vụ án, vụ việc và báo cáo lãnh đạo đơn vị về kết quả trao đổi.

3. Chậm nhất không quá 07 ngày làm việc kể từ khi xác định có căn cứ phục hồi, Điều tra viên phải báo cáo bằng văn bản, đề xuất Thủ trưởng hoặc Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công để xem xét ra Quyết định phục hồi điều tra, giải quyết và gửi đến Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền theo quy định.

4. Căn cứ tình hình thực tế, Cơ quan điều tra tiến hành rà soát các vụ việc, vụ án tạm đình chỉ và trao đổi, thống nhất bằng văn bản với Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền trước khi chuyển đến Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã quản lý, giải quyết, bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số

04/2025; không để xảy ra tình trạng quá tải cho Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã. Sau khi chuyển hồ sơ vụ việc, vụ án, phải thông báo ngay cho Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền để phân công Kiểm sát viên phối hợp quản lý, theo dõi.

5. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân phải thường xuyên phối hợp rà soát các vụ án, vụ việc tạm đình chỉ. Trong thời hạn 15 ngày trước ngày vụ án, vụ việc tạm đình chỉ hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan điều tra phải có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền về việc ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự hoặc quyết định không khởi tố vụ án hình sự hình sự. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền phải có văn bản trả lời cho Cơ quan điều tra.

Điều 22. Phối hợp trong giai đoạn truy tố

1. Trong giai đoạn truy tố, nếu phát hiện hồ sơ vụ án có thiếu sót về tài liệu, chứng cứ hoặc về thủ tục tố tụng, Kiểm sát viên trao đổi với Điều tra viên để bổ sung, khắc phục. Điều tra viên có trách nhiệm phối hợp với Kiểm sát viên bổ sung, khắc phục ngay trong thời hạn truy tố. Trường hợp, Điều tra viên và Kiểm sát viên không thống nhất thì báo cáo lãnh đạo hai ngành để chỉ đạo.

Trường hợp cần bổ sung tài liệu, chứng cứ mà thấy không cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát có văn bản yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung. Cơ quan điều tra có trách nhiệm bổ sung tài liệu, chứng cứ trong thời hạn truy tố của Viện kiểm sát.

2. Điều tra viên có trách nhiệm hỗ trợ Kiểm sát viên triệu tập bị can và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án để Kiểm sát viên tiến hành các hoạt động tố tụng trong giai đoạn truy tố.

Điều 23. Phối hợp trong giai đoạn xét xử

1. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm hoặc phúc thẩm, khi Thẩm phán tiếp nhận những tài liệu, chứng cứ mới liên quan đến vụ án do Luật sư, người tham gia tố tụng cung cấp hoặc do Tòa án tự thu thập thì kịp thời thông báo cho Kiểm sát viên biết để sao chụp tài liệu lưu hồ sơ kiểm sát và phối hợp xác minh trong trường hợp cần thiết. Trường hợp Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát tiếp nhận hoặc bổ sung tài liệu, chứng cứ mới thì kịp thời chuyển đến Toà án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Thẩm phán phát hiện hồ sơ vụ án có thiếu sót về chứng cứ hoặc thủ tục tố tụng mà không cần thiết phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung thì trao đổi, yêu cầu Viện kiểm sát để khắc phục. Điều tra viên có trách nhiệm phối hợp với Kiểm sát viên thực hiện các yêu cầu, đề nghị của Thẩm phán.

Trường hợp Tòa án đã yêu cầu Viện kiểm sát bổ sung chứng cứ nhưng Viện kiểm sát không bổ sung được thì Tòa án có thể tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 252 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3. Đối với những vụ án phức tạp, nhạy cảm, dư luận xã hội quan tâm hoặc những vụ án mà Viện kiểm sát và Tòa án có quan điểm khác nhau về đánh giá chứng cứ, xác định tội danh, áp dụng điều khoản trong Cáo trạng thì Thẩm phán và Kiểm sát viên chủ động trao đổi, thống nhất quan điểm đánh giá chứng cứ và điều, khoản áp dụng. Nếu không thống nhất, Kiểm sát viên và Thẩm phán báo cáo lãnh đạo ngành mình để lãnh đạo hai ngành trao đổi, thống nhất quan điểm giải quyết, hạn chế việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Nếu lãnh đạo hai ngành vẫn không thống nhất thì mỗi cơ quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình và quy định của pháp luật.

4. Khi xét xử lưu động hoặc xét xử những vụ án có tính chất phức tạp cần tăng cường lực lượng bảo vệ phiên tòa, Tòa án có văn bản đề nghị cơ quan Công an phối hợp. Cơ quan Công an có trách nhiệm bảo vệ phiên tòa và áp giải, dẫn giải bị cáo, đồng thời có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm an ninh, trật tự tại phiên tòa.

5. Tòa án cấp sơ thẩm khi chuyển hồ sơ vụ án có kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm thì đồng thời có văn bản thông báo cho Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra cùng cấp biết việc chuyển hồ sơ vụ án.

Trường hợp Viện kiểm sát phát hiện Tòa án cấp sơ thẩm chậm chuyển hồ sơ vụ án có kháng cáo, kháng nghị cho Tòa án cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 339 Bộ luật Tố tụng hình sự thì có văn bản thông báo cho Tòa án cấp sơ thẩm biết để chuyển hồ sơ vụ án theo quy định.

6. Tòa án có trách nhiệm gửi lịch phiên tòa cho Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra. Trường hợp cần thiết, lãnh đạo Cơ quan điều tra có thể cử Điều tra viên, cán bộ điều tra tham dự phiên tòa.

Điều 24. Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, điều tra lại

1. Việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung, điều tra lại phải được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; việc trả hồ sơ để điều tra bổ sung còn thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT ngày 22/12/2017 của liên ngành Trung ương về "Hướng dẫn thi hành các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ để điều tra bổ sung".

2. Trước khi quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát trao đổi với Cơ quan điều tra hoặc Tòa án trao đổi với Viện kiểm sát hoặc cả 3 cơ quan trao đổi, thống nhất về căn cứ và những nội dung cần điều tra bổ sung, hạn chế thấp nhất việc trả hồ sơ không đảm bảo căn cứ hoặc không cần thiết.

Trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung đối với vụ án có bị cáo đang bị tạm giam mà thời hạn tạm giam đã hết vào ngày kết thúc phiên tòa thì Tòa án chuyển ngay Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát, đảm bảo đủ thời gian để Viện kiểm sát làm thủ tục tạm giam bị cáo ngay trong ngày và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Đối với vụ án Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung nhưng Viện kiểm sát không chuyển hồ sơ cho Cơ quan điều tra thì Cơ quan điều tra có trách nhiệm

phối hợp với Viện kiểm sát thực hiện các yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án khi Viện kiểm sát có văn bản đề nghị phối hợp.

Trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát trả hồ sơ để điều tra bổ sung có căn cứ nhưng sau khi thu thập, bổ sung tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên kết luận điều tra, quyết định truy tố thì phải có văn bản nêu rõ lý do giữ nguyên kết luận điều tra, quyết định truy tố.

Trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát đã trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều lần nhưng quan điểm giải quyết của mỗi ngành vẫn khác nhau thì tổ chức họp liên ngành để trao đổi, thống nhất quan điểm; với cấp khu vực, mời thêm lãnh đạo liên ngành cấp tỉnh dự. Trường hợp sau khi họp vẫn có các ý kiến khác nhau thì xin ý kiến liên ngành Trung ương hoặc mỗi ngành thực hiện thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật. Đối với các vụ án thuộc diện cấp ủy, Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh theo dõi, chỉ đạo; Ban Nội chính Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, khi họp liên ngành mời đại diện Ban Nội chính Tỉnh uỷ dự, nắm để tham mưu cho Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo.

3. Đối với vụ án bị hủy để điều tra, truy tố, xét xử lại thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án cấp có vụ án bị hủy có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ để thực hiện các nội dung đã nêu trong Bản án, Quyết định của Tòa án có thẩm quyền theo thủ tục chung quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

Điều 25. Phối hợp trong tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm

1. Viện kiểm sát và Tòa án có trách nhiệm phối hợp tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử của Kiểm sát viên, chất lượng xét xử của Thẩm phán.

2. Trường hợp Viện kiểm sát hoặc Tòa án tổ chức phiên tòa rút kinh nghiệm theo Kế hoạch công tác của mỗi ngành thì chậm nhất 10 ngày trước ngày mở phiên tòa, Cơ quan chủ trì tổ chức phải có văn bản thông báo để phối hợp. Trường hợp vụ án có bị cáo tạm giam, Tòa án phải thông báo cho Cơ quan thi hành án và hỗ trợ tư pháp thuộc Công an tỉnh (Phòng PC10), phân Trại tạm giam biết để thực hiện việc trích xuất, dẫn giải bị cáo và bảo vệ phiên tòa.

3. Trường hợp Viện kiểm sát phối hợp với Tòa án tổ chức phiên tòa trực tuyến rút kinh nghiệm (có sử dụng tài liệu, chứng cứ được số hóa bằng các hình ảnh trình chiếu trong quá trình xét hỏi và tranh tụng) thì Kiểm sát viên phải trao đổi trước với Thẩm phán về các tài liệu, chứng cứ được số hóa đó và chủ động phối hợp đảm bảo xét xử vụ án và tổ chức rút kinh nghiệm đạt kết quả.

4. Với các phiên tòa xét xử lưu động, ngoài các nội dung phối hợp nêu trên, Thẩm phán và Kiểm sát viên phải chủ động phối hợp với các đơn vị, ban ngành có liên quan thống nhất về địa điểm, thời gian, mở phiên tòa, dự kiến trích xuất, dẫn giải, cách ly bị cáo, người làm chứng, bảo vệ sự an toàn cho bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khi tham dự phiên tòa; dự kiến các tình huống xảy ra tại phiên tòa để có biện pháp xử lý kịp thời, không để bị động, bất ngờ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Điều 26. Phối hợp trong giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự

1. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn có trách nhiệm tiếp nhận, phân loại, xử lý và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tố tụng hình sự (*gọi tắt là khiếu nại, tố cáo*) và kiểm sát giải quyết khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Thông tư liên tịch số 02/2018/TTLT của Liên ngành trung ương và Quy chế phối hợp liên ngành tỉnh trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp.

2. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án khi tiếp nhận, phân loại đơn, nếu phát hiện đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền của Cơ quan khác thì tiến hành chuyển đơn để giải quyết theo quy định. Đối với khiếu nại, tố cáo có tính chất phức tạp, liên quan đến thẩm quyền giải quyết của nhiều cơ quan thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Toà án phải phối hợp giải quyết, đảm bảo đúng quy định của pháp luật và ổn định tình hình an ninh trật tự.

3. Cơ quan điều tra, Tòa án thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo phải gửi kết quả giải quyết cho Viện kiểm sát trong thời hạn 03 ngày sau khi ban hành quyết định để kiểm sát theo quy định. Viện kiểm sát thụ lý, giải quyết khiếu nại, tố cáo thì sau khi ban hành quyết định giải quyết phải gửi quyết định cho Cơ quan điều tra; nếu giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến vụ án đã truy tố thì gửi cho Tòa án thụ lý xét xử biết và đưa vào hồ sơ vụ án.

4. Đối với khiếu nại, tố cáo có tính chất phức tạp, bức xúc, kéo dài, xét thấy cần thiết thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án tiến hành họp liên ngành *(có thể 2 ngành hoặc 3 ngành)* để thống nhất quan điểm giải quyết.

5. Cơ quan điều tra, Toà án chủ động phối hợp với Viện kiểm sát cùng cấp trong việc kiểm tra, rà soát, thống kê, báo cáo đơn khiếu nại, tố cáo theo kế hoạch của Liên ngành tư pháp Trung ương, Liên ngành tư pháp tỉnh hoặc khi có yêu cầu đột xuất phục vụ việc kiểm tra, yêu cầu báo cáo của cơ quan Đảng, hoạt động giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc...

Điều 27. Công tác thỉnh thị và trả lời thỉnh thị

1. Cơ quan điều tra, Cơ quan có thẩm quyền điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc gặp khó khăn, vướng mắc trong đánh giá chứng cứ, xác định tội danh hoặc quan điểm giữa các ngành không thống nhất thì cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc chủ trì họp hoặc có văn bản trao đổi, xin ý kiến của các cơ quan tố tụng khác. Trường hợp sau khi họp, trao đổi, quan điểm của các ngành vẫn khác nhau thì Cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc thay mặt liên ngành cùng cấp có văn bản báo cáo Cơ quan tố tụng cấp trên trực tiếp của mình (*kèm theo Nghị quyết cuộc họp hoặc văn bản trao đổi quan điểm của các ngành)* để xin ý kiến liên ngành cấp trên. Sau khi có ý kiến của liên ngành cấp trên, liên ngành cấp dưới phải tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Sau khi nhận được văn bản báo cáo, xin ý kiến của Cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc, đại diện liên ngành *(Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân khu vực và Điều tra viên là Trưởng/ Phó trưởng Công an cấp xã)*, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp tỉnh *(cơ quan cấp trên của cơ quan đang thụ lý vụ án, vụ việc)* chủ động nghiên cứu hồ sơ, chủ trì tổ chức họp liên ngành tố tụng cấp tỉnh hoặc có văn bản trao đổi quan điểm với các cơ quan tố tụng cấp tỉnh. Sau khi có ý kiến trao đổi quan điểm tại cuộc họp hoặc bằng văn bản của các cơ quan tố tụng cùng cấp, trường hợp thống nhất quan điểm thì thay mặt liên ngành tố tụng cấp tỉnh có văn bản trả lời, hướng dẫn các cơ quan tố tụng cấp dưới; trường hợp có quan điểm khác nhau thì báo cáo, xin ý kiến của liên ngành Trung ương.

Thời gian trả lời thỉnh thị của liên ngành cấp tỉnh đối với liên ngành cấp dưới tối đa là 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản, hồ sơ thỉnh thị. Trường hợp thỉnh thị liên ngành Trung ương thì sau khi nhận văn bản trả lời của liên ngành Trung ương, trong thời hạn 03 ngày làm việc phải ban hành văn bản hướng dẫn, trả lời thỉnh thị đến liên ngành cấp dưới.

3. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân khu vực và Điều tra viên là Trưởng/ Phó trưởng Công an cấp xã chỉ thỉnh thị khi thật sự cần thiết và quan điểm giữa các cơ quan tố tụng không thống nhất và không tự quyết định được. Nội dung thỉnh thị phải được thảo luận kỹ và có ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan. Trường hợp liên ngành tố tụng cấp tỉnh trả lời thỉnh thị thì phải đảm bảo trả lời đầy đủ, cụ thể, chính xác, kịp thời và đúng quy định pháp luật.

4. Đối với các vụ án, vụ việc có tính chất phức tạp, dư luận xã hội quan tâm; vụ án, vụ việc mà quy định của pháp luật còn có bất cập, mâu thuẫn trong việc xác định tội danh, khung hình phạt, tư cách pháp lý của những người có liên quan, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thụ lý cần thường xuyên phối hợp, trao đổi cùng thực hiện.

CHƯƠNG IV
PHỐI HỢP TRONG THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ, KIỂM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA CỦA VIỆN KIỂM SÁT VÀ GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC, VỤ ÁN CÓ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Điều 28. Phối hợp trong thực hiện các quy định về thực hành quyền công tố, kiểm sát của Viện kiểm sát đối với hoạt động tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm của Công an cấp xã, Đồn Công an; hoạt động điều tra hình sự của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, Cán bộ điều tra bố trí tại Công an cấp xã

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm của Công an cấp xã, Đồn Công an; hoạt động điều tra hình sự của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, Cán bộ điều tra bố trí tại Công an cấp xã và giải quyết tranh chấp về thẩm quyền điều tra theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình

sự và Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2025. Viện kiểm sát nhân dân khu vực phân công Kiểm sát viên phụ trách theo địa bàn đơn vị hành chính cấp xã và thông báo cho Cơ quan điều tra để bảo đảm kịp thời phối hợp thực hiện các hoạt động tố tụng theo quy định khi có vụ án, vụ việc phát sinh trên địa bàn.

Khi phát hiện vi phạm, khuyết điểm, thiếu sót trong quá trình tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra; Kiểm sát viên phải trực tiếp trao đổi với Điều tra viên được phân công hoặc Viện trưởng *(hoặc Phó Viện trưởng)* Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng *(hoặc Phó Viện trưởng)* Viện kiểm sát nhân dân khu vực trao đổi với Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* để thống nhất quan điểm và có biện pháp khắc phục trước khi quyết định ban hành văn bản kiến nghị *(nếu cần thiết phải ban hành)*.

Trước khi tiến hành kiểm sát trực tiếp hoạt động tiếp nhận, phân loại, xử lý nguồn tin về tội phạm của Công an cấp xã, Đồn Công an; hoạt động điều tra hình sự của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, Cán bộ điều tra bố trí tại Công an cấp xã, Viện kiểm sát có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản về kế hoạch, nội dung, đối tượng, phạm vi kiểm sát và các nội dung có liên quan cho Thủ trưởng Cơ quan điều tra để chỉ đạo các đơn vị có liên quan phối hợp thực hiện.

2. Các đơn vị thuộc Cơ quan điều tra, Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã tiếp nhận, thụ lý giải quyết nguồn tin về tội phạm, điều tra vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn thuộc thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra của Viện kiểm sát nhân dân khu vực nào thì có trách nhiệm trao đổi, phối hợp và thực hiện các yêu cầu điều tra, xác minh của Viện kiểm sát nhân dân khu vực đó trong quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền không phê chuẩn các lệnh, quyết định của Cơ quan điều tra do không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật thì Kiểm sát viên trao đổi với Điều tra viên để thống nhất trước khi báo cáo Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền; Thủ trưởng Cơ quan điều tra *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* hoặc Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công. Đối với các vụ án, vụ việc do Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã thụ lý thì Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công phải báo cáo Thủ trưởng Cơ quan CSĐT *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* để trao đổi với lãnh đạo Viện kiểm sát có thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, lãnh đạo Viện kiểm sát có thẩm quyền và Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được phân công, ủy quyền)* tổ chức họp để thống nhất trước khi quyết định.

Nếu không đồng ý với quyết định của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra vẫn phải thực hiện và có quyền kiến nghị gửi Viện kiểm sát cấp trên theo thẩm quyền. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết, Viện kiểm sát có thẩm quyền phải có văn bản gửi Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh về kết quả chỉ đạo giải quyết. Trường hợp các lệnh,

quyết định tố tụng do Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã ký ban hành thì báo cáo Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* để kiến nghị với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh.

4. Đối với các vụ việc, vụ án phân công cho Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã thụ lý

a) Nếu có căn cứ xác định vụ việc, vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết thì Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công phải báo cáo bằng văn bản để xin ý kiến chỉ đạo của Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* trước khi có văn bản đề nghị Viện kiểm sát nhân dân khu vực đang thực hành quyền công tố, kiểm sát thực hiện các thủ tục chuyển vụ việc, vụ án theo quy định;

b) Trường hợp có căn cứ xét thấy vụ việc, vụ án có tính chất phức tạp hoặc để bảo đảm các yêu cầu về nghiệp vụ, phải chuyển đến Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã khác cùng tỉnh hoặc các đơn vị thuộc Cơ quan CSĐT Công an cùng tỉnh thụ lý giải quyết thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân khu vực đang thực hành quyền công tố, kiểm sát đối với vụ việc, vụ án đó để thống nhất. Trường hợp không thống nhất được thì thực hiện thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Đối với vụ việc, vụ án về tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng xảy ra trên nhiều địa bàn cấp xã *(bao gồm các vụ mới phát sinh hoặc các vụ án, vụ việc độc lập nhưng trong quá trình điều tra, giải quyết có căn cứ xác định do cùng một đối tượng hoặc cùng một nhóm đối tượng thực hiện hành vi phạm tội)* thì Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền)* có thể phân công Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã của một trong các địa bàn xảy ra tội phạm tiến hành điều tra, giải quyết vụ án, vụ việc đó.

Trường hợp các địa bàn xảy ra tội phạm thuộc thẩm quyền thực hành quyền công tố và kiểm sát của nhiều Viện kiểm sát nhân dân khu vực khác nhau thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền, phân công)* có văn bản trao đổi với các Viện kiểm sát nhân dân khu vực có liên quan để thống nhất dựa trên nguyên tắc quy định tại khoản 4 Điều 163 Bộ luật Tố tụng hình sự. Trường hợp không thống nhất được thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh *(hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền, phân công)* có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để phối hợp chỉ đạo. Chậm nhất không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trao đổi, Viện kiểm sát phải có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh.

Điều 29. Phối hợp trong chỉ đạo, giải quyết các vụ việc, vụ án có khó khăn, vướng mắc trong đánh giá tài liệu, chứng cứ, xác định tội danh hoặc áp dụng pháp luật

1. Đối với các vụ việc, vụ án do Viện kiểm sát nhân dân khu vực trực

tiếp kiểm sát

a) Đối với các vụ việc, vụ án phân công cho Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã thụ lý có khó khăn, vướng mắc, quan điểm giải quyết không thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân khu vực thì Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã được phân công thụ lý phải báo cáo Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT được ủy quyền *(là Trưởng các Phòng PC01, PC02, PC03, PC04)* theo thẩm quyền điều tra của hệ lực lượng hoặc báo cáo Thủ trưởng Cơ quan CSĐT để giao cho một Phó Thủ trưởng Cơ quan CSĐT được ủy quyền *(là Trưởng các Phòng PC01, PC02, PC03, PC04)* trao đổi bằng văn bản hoặc chủ trì tổ chức họp với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân khu vực có thẩm quyền để đánh giá, thống nhất quan điểm giải quyết. Trường hợp cần thiết, có thể trao đổi hoặc mời lãnh đạo Tòa án nhân dân khu vực tham gia họp, đánh giá, thống nhất quan điểm.

b) Đối với các vụ việc, vụ án (thuộc thẩm quyền truy tố, xét xử của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân khu vực) do các đơn vị thuộc Cơ quan điều tra *(PC01, PC02, PC03, PC04, PA09)* thụ lý có khó khăn, vướng mắc, quan điểm giải quyết không thống nhất với Viện kiểm sát nhân dân khu vực thì Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được phân công *(hoặc được ủy quyền của Thủ trưởng)* thụ lý vụ việc, vụ án phải báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra (ANĐT, CSĐT) Công an cấp tỉnh hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền, phân công *(là Trưởng các Phòng PC01, PC02, PC03, PC04, PA09)* trao đổi bằng văn bản hoặc chủ trì họp với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân khu vực để đánh giá, thống nhất quan điểm. Trường hợp cần thiết, có thể trao đổi hoặc mời lãnh đạo Tòa án nhân dân khu vực tham gia họp đánh giá, thống nhất quan điểm.

c) Trường hợp các vụ việc, vụ án nêu tại điểm a, điểm b Điều này sau khi họp vẫn chưa thống nhất quan điểm thì Thủ trưởng Cơ quan điều tra (ANĐT, CSĐT) hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền, phân công *(là Trưởng các Phòng PC01, PC02, PC03, PC04, PA09)* trao đổi bằng văn bản hoặc chủ trì họp với Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; lãnh đạo Viện kiểm sát khu vực; Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã *(đối với các vụ việc, vụ án tại điểm a điều này)* để đánh giá, thống nhất quan điểm giải quyết. Trường hợp cần thiết có thể trao đổi hoặc mời lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực tham gia họp đánh giá, thống nhất quan điểm.

2. Đối với các vụ việc, vụ án do Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trực tiếp kiểm sát

Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra được phân công phải báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra hoặc Phó Thủ trưởng được ủy quyền, phân công *(là Trưởng các Phòng PC01, PC02, PC03, PC04, PA09)* trao đổi bằng văn bản hoặc chủ trì tổ chức họp với Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh để đánh giá, thống nhất quan điểm giải quyết. Trường hợp cần thiết có thể trao đổi hoặc mời lãnh đạo Tòa án nhân dân cấp tỉnh tham gia họp

đánh giá, thống nhất quan điểm.

3. Trường hợp liên ngành Tư pháp cấp tỉnh không thống nhất được, Thủ trưởng Cơ quan điều tra báo cáo Thủ trưởng Cơ quan điều tra Bộ Công an (theo hệ lực lượng) để đề nghị liên ngành Tư pháp Trung ương nghiên cứu, đánh giá, hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện.

CHƯƠNG V
PHỐI HỢP TRONG CÔNG TÁC TRỰC TIẾP KIỂM SÁT; KIỂM TRA, HƯỚNG DẪN VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG ĐIỀU TRA HÌNH SỰ; CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 30. Phối hợp trong công tác trực tiếp kiểm sát và theo dõi, quản lý nguồn tin về tội phạm

Định kỳ, Viện kiểm sát tiến hành trực tiếp kiểm sát việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của Cơ quan điều tra *(gồm cả việc tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm của Điều tra viên bố trí ở Công an cấp xã).* Chậm nhất 10 ngày trước khi trực tiếp kiểm sát, Viện kiểm sát phải gửi Quyết định và Kế hoạch kiểm sát trực tiếp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra và Công an cấp xã thuộc đối tượng được kiểm sát trực tiếp có trách nhiệm xây dựng báo cáo, chuẩn bị hồ sơ, sổ sách và các điều kiện cần thiết khác phục vụ việc trực tiếp kiểm sát. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết luận, kiến nghị của Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra có trách nhiệm thực hiện và trao đổi kết quả *(bằng văn bản)* cho Viện kiểm sát biết.

Điều 31. Phối hợp trong kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ và việc chấp hành pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự của liên ngành

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ và việc chấp hành pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự đối với các đơn vị thuộc Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã, Đồn Công an và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực. Phối hợp trao đổi về những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự, ban hành văn bản của liên ngành để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, rút kinh nghiệm chung.

2. Hàng năm, Cơ quan CSĐT Công an cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân khu vực hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm tra, xác minh sơ bộ tố giác, tin báo về tội phạm của Công an cấp xã, Đồn Công an; hướng dẫn việc thực hiện thẩm quyền của Điều tra viên trung cấp, Điều tra viên cao cấp là Trưởng hoặc Phó Trưởng Công an cấp xã.

3. Hàng năm, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phối hợp cùng Cơ quan điều tra (CSĐT, ANĐT) Công an cấp tỉnh ban hành kế hoạch kiểm tra liên

ngành để kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật trong hoạt động tố tụng hình sự và các quy chế phối hợp của Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân khu vực; Công an cấp xã, Đồn Công an để chấn chỉnh, kiến nghị, yêu cầu khắc phục, xử lý các vi phạm, khuyết điểm.

4. Trường hợp cần thiết, liên ngành tư pháp cấp tỉnh (02 ngành hoặc 03 ngành) phối hợp tổ chức hội thảo, hội nghị rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự.

Điều 32. Chế độ thông tin, báo cáo, giao ban liên ngành

1. Về chế độ thông tin, báo cáo

a) Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh thực hiện chế độ báo cáo thống kê hình sự theo quy định của pháp luật và của từng Ngành, bảo đảm báo cáo thống nhất số liệu thống kê hình sự của liên ngành.

b) Hàng tháng, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân khu vực, Cơ quan điều tra và các đơn vị Công an cấp xã trên địa bàn thuộc thẩm quyền thực hành quyền công tố, kiểm sát có trách nhiệm phối hợp lập biên bản đối chiếu, thống nhất số liệu về tiếp nhận, kiểm tra, xác minh sơ bộ tố giác, tin báo về tội phạm của Công an cấp xã; số liệu về giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự được phân công cho Điều tra viên là Trưởng/Phó Trưởng Công an cấp xã thụ lý trước khi báo cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Công an tỉnh theo quy định của từng Ngành.

c) Định kỳ hàng tháng *(từ ngày 01 đến ngày 03)*, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp tỉnh *(thông qua đơn vị đầu mối)* tiến hành rà soát, thống kê việc tiếp nhận, phân loại, giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự; rà soát vụ án, vụ việc tạm đình chỉ (*có lập biên bản với sự tham gia của đại diện lãnh đạo cơ quan đầu mối).*

2. Về chế độ giao ban

Hàng quý, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực chủ trì giao ban giữa Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân khu vực; Điều tra viên là Trưởng/ Phó Trưởng Công an cấp xã trên địa bàn và các Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh *(thuộc các phòng PC01, PC02, PC03, PC04)* phụ trách khu vực; Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan điều tra (CSĐT, ANĐT) Công an cấp tỉnh tổ chức giao ban liên ngành cấp tỉnh.

06 tháng, 01 năm, Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh chủ trì tổ chức giao ban giữa Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, khu vực và Cơ quan điều tra (CSĐT, ANĐT) Công an cấp tỉnh. Nội dung giao ban do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Thủ trưởng Cơ quan ANĐT, Thủ trưởng Cơ quan CSĐT Công an

tỉnh thống nhất quyết định thực hiện, trong đó cần tập trung đánh giá: Kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự; kiểm điểm công tác phối hợp, việc trả hồ sơ điều tra bổ sung, điều tra lại, việc thực hiện Quy chế phối hợp; bàn biện pháp giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phối hợp tiếp theo, nhằm bảo đảm công tác giải quyết vụ án, vụ việc hiệu quả, kịp thời, đúng quy định pháp luật. Trường hợp xét cần thiết phải tổ chức họp liên ngành để giải quyết những nhiệm vụ cấp thiết, thì Cơ quan đang thụ lý vụ việc, vụ án chủ trì, tổ chức mời họp liên ngành.

3. Về tổ chức Hội nghị liên ngành

Hàng năm, để nâng cao chất lượng công tác giải quyết nguồn tin về tội phạm; điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, liên ngành tố tụng cấp tỉnh chủ động bàn bạc, phối hợp tổ chức các Hội nghị chuyên đề rút kinh nghiệm (*theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi Cơ quan tiến hành tố tụng*). Cơ quan tiến hành tố tụng chủ trì có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch, Đề cương, Báo cáo trung tâm và chuẩn bị các điều kiện tổ chức Hội nghị; các cơ quan tiến hành tố tụng khác có trách nhiệm phối hợp xây dựng báo cáo chuyên đề và chuẩn bị các nội dung khác để đảm bảo hội nghị chuyên đề đạt hiệu quả.

Quý IV hằng năm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện các nội dung phối hợp tại Quy chế này *(số liệu sơ kết lấy từ ngày 01/11 năm trước đến ngày 31/10 năm sau; thời gian sơ kết, với Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân khu vực và Công an cấp xã vào tháng 11 hàng năm; với Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân cấp tỉnh vào tháng 12 hàng năm)*. Sau khi sơ kết, Viện kiểm sát khu vực gửi kết quả sơ kết đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (qua Phòng 2) trước ngày 20/11 hàng năm để tập hợp báo cáo chung toàn tỉnh.

CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 33. Trách nhiệm thực hiện

1. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra Công an cấp tỉnh (là Trưởng các phòng PC01, PC02, PC03, PC04, PA09); cấp Trưởng các phòng PA01, PA02, PA03, PA04, PA05, PA08, PC07, PC08) Công an tỉnh; Điều tra viên là Trưởng/ Phó Trưởng Công an cấp xã; Trưởng Đồn Công an; Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Trưởng phòng nghiệp vụ có liên quan thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực; Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa chuyên trách, Trưởng phòng nghiệp vụ có liên quan thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân khu vực có trách nhiệm tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quy định trong Quy chế này.

Mọi trường hợp không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc làm trái các quy định của pháp luật và quy chế này trong tiếp nhận, phân loại, giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự dẫn đến không kịp thời ngăn chặn, khắc phục hậu quả của hành vi phạm tội, không xử lý được người thực hiện hành vi phạm tội phải bị xem xét xử ý theo quy định của pháp luật và của từng Ngành.

2. Giao Phòng 2 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là đầu mối, phối hợp với Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh và Tòa hình sự Tòa án nhân dân tỉnh tham mưu giúp lãnh đạo liên ngành hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này; định kỳ *(06 tháng, 01 năm)* sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Quy chế để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các Quy chế phối hợp liên ngành tư pháp của tỉnh Bắc Giang và Quy chế phối hợp liên ngành tư pháp của tỉnh Bắc Ninh trong giải quyết nguồn tin về tội phạm và vụ án hình sự đã ban hành trước ngày 01/7/2025.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có những nội dung cần sửa đổi, bổ sung, Lãnh đạo Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh sẽ trao đổi thống nhất và điều chỉnh cho phù hợp./.

CHÁNH ÁN TAND TỈNH	VIỆN TRƯỞNG VKSND TỈNH	GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH
Mai Anh Tài	Đoàn Anh Phương	Thiếu tướng Bùi Duy Hưng

Nơi nhận:
- Bộ Công an (C01);
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Công an, Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân các khu vực;
- Công an các xã, phường, Đồn CA;
- Lưu:

+ CA tỉnh: VT, PC01 (Đ2);
+ VKS tỉnh: VT, Phòng 2;
+ TA tỉnh: VT, Tòa hình sự.

